

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH**

---

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH**  
**Năm 2017**



**Tháng 4 năm 2018**

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

---

## MỤC LỤC

<b>I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG.....</b>	<b>3</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	3
2. Cơ cấu tổ chức Công ty .....	5
3. Thông tin cổ phiếu; Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông .....	6
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng .....	8
5. Hoạt động kinh doanh.....	9
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ba năm gần nhất.....	13
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành .....	14
8. Chính sách với người lao động .....	15
8.1. Số lượng người lao động trong Công ty và cơ cấu lao động .....	15
8.2. Chính sách đối với người lao động.....	15
9. Chính sách cổ tức.....	16
10. Tình hình tài chính.....	17
10.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản.....	17
10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty.....	19
11. Tài sản.....	19
12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức dự kiến năm tiếp theo.....	21
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty .....	21
14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh .....	21
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty (nếu có).....	23
<b>II. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>24</b>
1. Hội đồng quản trị .....	24
2. Ban kiểm soát.....	31
3. Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý.....	39
<b>III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017 (ĐÃ KIỂM TOÁN).....</b>	<b>44</b>

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH**

---

### **I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**

#### **1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

##### **1.1. Giới thiệu chung**

Tên doanh nghiệp	: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH
Tên tiếng Anh	: QUANG NINH MINERAL WATER CORPORATION
Tên viết tắt	: QNWCORP
Trụ sở chính	: Tổ 3A, Khu 4, Phố Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Vốn điều lệ đăng ký	: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng)
Vốn điều lệ thực góp	: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng)
Điện thoại	: 0203 3844196
Fax	: 0203 3847311
Email	: quanghanh@msc.masangroup.com
Website	: <a href="http://nuockhoangquangninh.com.vn/">http://nuockhoangquangninh.com.vn/</a>

Logo



Người đại diện pháp luật : Nguyễn Thiều Nam – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày chính thức trở thành công ty đại chúng: 15/04/2016 (theo Công văn số 1952/UBCK-GSĐC ngày 15/4/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước)

Giấy đăng ký kinh doanh : Số 5700379618 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 25/12/2015

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh

- Bán buôn đồ uống
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi

### 1.2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp Nước khoáng Quảng Ninh, được thành lập ngày 17/7/1989 theo Quyết định số 381/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh và trực thuộc Tỉnh ủy Quảng Ninh quản lý.
- Năm 1993, Xí nghiệp nước khoáng Quảng Ninh được sáp nhập vào Công ty Duyên Hải Quảng Ninh theo quyết định số 1396/QĐ-UB ngày 15/7/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và trở thành một đơn vị thành viên của Công ty Duyên Hải Quảng Ninh trực thuộc Văn Phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh quản lý.
- Năm 2002, Xí nghiệp nước khoáng Quảng Ninh được tách ra và đổi tên thành Công ty Nước khoáng Quảng Ninh theo quyết định số 463/QĐ-UB ngày 28/1/2002 và trực thuộc Tỉnh ủy Quảng Ninh quản lý.
- Năm 2004, Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Nước khoáng Quảng Ninh theo quyết định số 2492/QĐ-UB ngày 26/7/2004 và trực thuộc văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh quản lý.
- Năm 2006, Công ty TNHH một thành viên Nước khoáng Quảng Ninh được đổi tên thành Công ty TNHH một thành viên Nước khoáng và Thương mại Dịch vụ Quảng Ninh theo quyết định số 32 – QĐ/VPTU ngày 10/01/2006 của Văn phòng Tỉnh Ủy Quảng Ninh.
- Ngày 19/10/2015, Tỉnh ủy Quảng Ninh phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Nước khoáng và Thương mại, Dịch vụ Quảng Ninh thành công ty cổ phần tại Quyết định số 03-QĐ-TU. Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).
- Ngày 02/12/2015, Công ty đã phối hợp với CTCP Chứng khoán Bản Việt thực hiện bán đấu giá công khai thành công 159.100 cổ phần (chiếm 1,99% vốn điều lệ) tại CTCP Chứng khoán Bản Việt (do tổng giá trị chào bán theo mệnh giá dưới 10 tỷ đồng) với giá khởi điểm 11.100 đồng/cổ phần. Giá đấu thành công cao nhất: 13.500 đồng/cổ phần, giá đấu thành công thấp nhất: 11.100 đồng/cổ phần, giá đấu thành công bình quân: 11.421 đồng/cổ phần.
- Ngày 22/12/2015, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần vào ngày 25/12/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700379618 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp với vốn điều lệ 80 tỷ đồng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

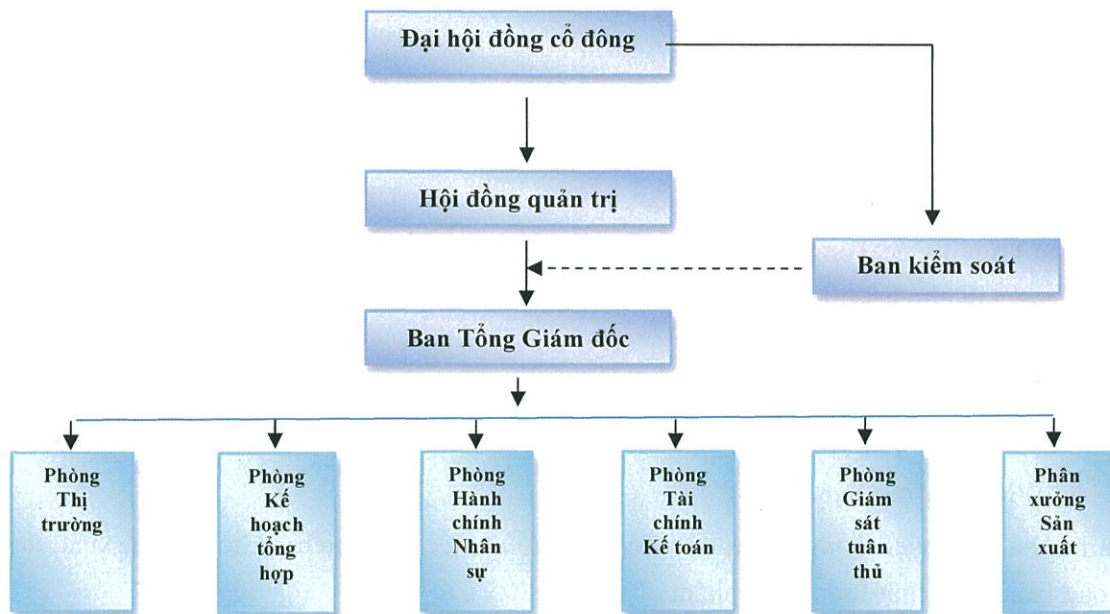
- Ngày 22/12/2016: Công ty chính thức đăng ký giao dịch trên Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (“UpCom”) do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức.

### 1.3. Quá trình tăng vốn

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần cho đến nay Công ty không tăng vốn, vốn điều lệ hiện tại là 80.000.000.000 đồng.

## 2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Hình: Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh



#### ✚ Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty cổ phần.

#### ✚ Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

#### ✚ Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

#### ✚ Ban Tổng giám đốc:

Ban Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

---

### Phòng kế hoạch tổng hợp

Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc Công ty về công tác: Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn và dài hạn. Là cầu nối giữa nhu cầu thị trường và các bộ phận trong toàn Công ty. Đánh giá và đề xuất đầu tư nguồn lực (máy móc, trang thiết bị) cho kế hoạch kinh doanh dài hạn.

### Phòng thị trường

Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc Công ty về công tác: Xây dựng, quản lý hệ thống phân phối; Phát triển mối quan hệ khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; Tổ chức tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

### Phòng Hành chính nhân sự

Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc Công ty trong công tác quản lý sử dụng lao động, tiền lương và công tác văn thư hành chính.

### Phòng Tài chính Kế toán

Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện công tác kế toán, thống kê, kiểm toán và thanh quyết toán nội bộ.

### Phòng Giám sát tuân thủ

Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc Công ty về quản lý và điều hành công tác chất lượng sản phẩm.

### Phân xưởng Sản xuất

Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất, đảm bảo an toàn lao động, chất lượng sản phẩm.

### 3. Thông tin cổ phiếu; Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

#### Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mã cổ phiếu : QHW
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phiếu : 8.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị theo mệnh giá : 80.000.000.000 đồng
- Tổng số lượng cổ phiếu quỹ : 20.600 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành : 7.979.400 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 1.820.900 cổ phiếu

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:

STT	Đối tượng bị hạn chế chuyển nhượng	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Thời điểm bắt đầu hạn chế chuyển nhượng	Thời gian hạn chế (đến ngày)	Lý do hạn chế
1	Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage - cổ đông chiến lược	5.254.100	25/12/2015	25/12/2020	Hạn chế chuyển nhượng theo điểm c, khoản 3, điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP
2	Công đoàn Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	128.000	25/12/2015	Không được chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng theo điểm c, khoản 2, điều 36 Nghị định 59/2011/NĐ-CP
3	Cán bộ, công nhân viên Công ty	776.400	25/12/2015	Tùy theo số năm cam kết mua cổ phần	Hạn chế chuyển nhượng theo khoản 2, điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP (chi tiết theo Danh sách người sở hữu chứng khoán chuyển nhượng có điều kiện)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6.158.500</b>			

📌 **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

STT	Tên cổ đông	GCNĐKKD	Địa chỉ/Trụ sở	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
01	Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage	0312797567	Tầng 12, tòa nhà MPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	5.254.100	65,7%
02	Tỉnh ủy Quảng Ninh		Số 73 Nguyễn Văn Cừ - Hồng Hà - Hạ Long - Quảng Ninh	1.152.900	14,4%
<b>Tổng cộng</b>				<b>6.407.000</b>	<b>80,1%</b>

📌 **Cổ đông sáng lập:** Không có

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

### Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Số cổ phần nắm giữ	% Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>515</b>	<b>7.977.500</b>	<b>99,72%</b>
1	Cá nhân	512	1.496.600	18,71%
2	Tổ chức	3	6.480.900	81,01%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>1</b>	<b>1.900</b>	<b>0,02%</b>
1	Cá nhân	1	1.900	0,02%
2	Tổ chức	0	0	0%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>		<b>20.600</b>	<b>0,26%</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>516</b>	<b>8.000.000</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 05/01/2018 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

#### 4. Danh sách công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng

##### Công ty mẹ:

- Tên công ty: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage
- Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà MPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 62555660
- Fax: 028 38109463
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số 0312797567 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 5 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Tỷ lệ góp vốn thực tế tại Công ty: 65,7% vốn điều lệ
- Hoạt động kinh doanh chính:
  - Bán buôn đồ uống không có cồn
  - Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
  - Sản xuất nước chiết từ rau quả
  - Sản xuất đồ uống từ sữa










- Sản xuất hương liệu các loại
  - Sản xuất thực phẩm khác (cà phê, chè và các sản phẩm pha kèm, sản xuất thực phẩm bổ sung vi chất, thực phẩm chức năng dạng lỏng, dạng uống)
  - Bán buôn thực phẩm: bán buôn nước rau ép, nước quả ép; bán buôn đồ uống từ sữa, ngũ cốc, bột, tinh bột; bán buôn các sản phẩm cà phê, chè; thực phẩm bổ sung vi chất, thực phẩm chức năng dạng lỏng, dạng uống; bán buôn nguyên liệu, phụ gia thực phẩm
  - Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống
  - Bán lẻ nước rau ép, nước quả ép; đồ uống từ sữa, các sản phẩm cà phê, chè; thực phẩm bổ sung vi chất, thực phẩm chức năng dạng lỏng, dạng uống
  - Bán lẻ đồ uống không có cồn
  - Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống lưu động hoặc tại chợ
  - Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)
  - Quảng cáo
  - Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm (trừ các hoạt động trong lĩnh vực có sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất...làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, phim, ảnh...)
  - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
  - Đại lý, môi giới
- 📌 Công ty con của Công ty đại chúng: Không có.
- 📌 Công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có.
- 📌 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage (thông tin trình bày tại phần Công ty mẹ)

## 5. Hoạt động kinh doanh


### 5.1. Sản phẩm, dịch vụ chính

Công ty cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh chủ yếu sản xuất và kinh doanh nước khoáng được khai thác từ nguồn suối khoáng tại Quảng Ninh. Sản phẩm sản xuất chính hiện nay của Công ty bao gồm: dòng sản phẩm khoáng mặn (Nước khoáng thiên nhiên Quang Hanh) và dòng sản phẩm nước khoáng có hàm lượng khoáng thấp (Nước uống đóng chai Suối Mơ). Ngoài ra, Công ty còn cung cấp nước uống đóng bình và nước máy sinh hoạt bằng nguồn nước Suối Mơ. Đối với dòng nước khoáng mặn thiên nhiên nhãn hiệu Quang Hanh, Công ty sản xuất 03 loại sản phẩm bao gồm: chai nhựa 500ml, nước khoáng Faith vị Chanh Muối, và nước khoáng Blizka vị Mơ muối. Nhóm sản phẩm nước uống đóng chai nhãn hiệu Suối Mơ gồm 05 loại sản phẩm là: loại 330ml, loại 500ml, loại 1500ml, bình 2GL và bình 5GL. Nước khoáng tự nhiên Quang Hanh không ga đóng chai 500ml và đóng bình 19L.

TT	Loại sản phẩm	Mô tả/Đặc điểm
<b>I</b>	<b>Nước khoáng thiên nhiên Quang Hanh</b>	
1	Nước khoáng Quang Hanh – Chai nhựa 500ml 	<p><b>Công nghệ sản xuất:</b> Theo công nghệ tiên tiến của Mỹ. Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 :2008 và HACCP 2003</p> <p><b>Sản phẩm của Công ty đã đạt:</b>                      Huy chương vàng Hội chợ Quốc tế về Thực Phẩm và đồ uống VN – 2003.                      Chứng nhận sản phẩm đạt danh hiệu: Nhân hiệu cạnh tranh Quốc gia năm 2006, Thương hiệu có uy tín tên thị trường và nhiều năm liên tục được công nhận là Hàng việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn, “Top 10 Công ty đồ uống uy tín” theo Vietnam Report 2017</p>
2	Nước khoáng Quang Hanh – Faith vị Chanh muối 	<p><b>Bao gói:</b>                      Sản phẩm nước Nước khoáng thiên nhiên Quang Hanh được đóng bằng các loại bao bì: Loại chai nhựa 500ml 500ml: 24chai/Hộp và 20chai/Hộp.                      Loại Faith và Blizka 355ml: 24chai/Hộp</p>
3	Nước khoáng Quang Hanh – Blizka vị Mơ muối 	

II	Nước uống đóng chai Suối Mơ	
1	Nước uống đóng chai Suối Mơ - Chai 330ml 	<p><b>Công nghệ sản xuất:</b>                      Theo công nghệ tiên tiến của Mỹ                      Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 : 2008 và HACCP - CODE 2003</p> <p><b>Sản phẩm đã được công nhận:</b>                      Huy chương vàng Hội chợ Quốc tế về Thực Phẩm và đồ uống VN – 2003.                      Chứng nhận sản phẩm đạt danh hiệu: Nhãn hiệu cạnh tranh Quốc gia năm 2006, Thương hiệu có uy tín tên thị trường và nhiều năm liên tục được công nhận là Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn</p>
2	Nước uống đóng chai Suối Mơ - Chai 500ml 	<p><b>Chủng loại sản phẩm - bao gói:</b>                      Loại chai nhựa 1.500ml: 12 chai/hộp                      Loại chai nhựa 500ml: 24 chai/hộp                      Loại chai nhựa 330ml: 35 chai/hộp                      Loại bình 2 gallon: Tương đương 7,56 lít. Có vòi rót, rất tiện lợi cho các chuyến du lịch, trong bệnh viện.</p>
3	Nước uống đóng chai Suối Mơ - Chai 1.500 ml 	<p>Loại bình 5 gallon: Tương đương 18,9 lít. Gồm loại có van mở rất tiện lợi để dùng cho gia đình và loại không có vòi rót dùng cho máy nóng lạnh chuyên dùng.</p> <p>Ngoài ra, Công ty còn cung cấp nước được đựng bằng Téc chuyên dụng cho trường học, khu công nghiệp và nước sinh hoạt cung cấp cho các khách sạn</p>
4	Nước uống đóng chai Suối Mơ - Bình 7L 	

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

5	Nước uống đóng chai Suối Mơ - Bình 18.9L		
III	<b>Nước khoáng tự nhiên Quang Hanh không gas</b>		
1	Nước khoáng tự nhiên không gas đóng chai 500ml		
2	Nước khoáng tự nhiên không gas đóng bình 19L		

### 5.2. Doanh thu, lợi nhuận Công ty qua các năm

**Bảng: Doanh thu thuần qua các năm**

*ĐVT: Triệu đồng*

	Giai đoạn 01/01/2015 – 24/12/2015		Giai đoạn 25/12/2015 – 31/12/2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT
Doanh thu thuần bán hàng	374.539	100%	0	-	375.576	100%	310.443	100%
Doanh thu khác	0	0	0	-	0	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>374.539</b>	<b>100%</b>	<b>0</b>	<b>-</b>	<b>375.576</b>	<b>100%</b>	<b>310.443</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn 01/01/2015-24/12/2015 của Công ty TNHH Một thành viên Nước khoáng và Thương mại Dịch vụ Quảng Ninh, BCTC kiểm toán giai đoạn 25/12/2015-31/12/2015, BCTC kiểm toán năm 2016 và 2017 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh*

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

**Bảng: Lợi nhuận gộp qua các năm**

*ĐVT: Triệu đồng*

	Giai đoạn 01/01/2015 – 24/12/2015		Giai đoạn 25/12/2015 – 31/12/2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT
Lợi nhuận gộp	96.655	25,8%	0	-	120.260	32 %	118.116	38 %
<b>Tổng cộng</b>	<b>96.655</b>	<b>25,8%</b>	<b>0</b>	<b>-</b>	<b>120.260</b>	<b>32%</b>	<b>118.116</b>	<b>38%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn 01/01/2015-24/12/2015 của Công ty TNHH Một thành viên Nước khoáng và Thương mại Dịch vụ Quảng Ninh, BCTC kiểm toán giai đoạn 25/12/2015-31/12/2015, BCTC kiểm toán năm 2016 và 2017 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh*

*Lưu ý: Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015, Công ty không có doanh thu và không phát sinh giá vốn hàng bán, do vậy doanh thu thuần và lợi nhuận gộp giai đoạn này bằng 0.*

### 6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ba năm gần nhất

*Đơn vị tính: Triệu VNĐ*

Chỉ tiêu	Giai đoạn 01/01/2015 – 24/12/2015	Giai đoạn 25/12/2015 – 31/12/2015 (*)	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm 2017/2016
Tổng giá trị tài sản	214.030	211.918	157.400	167.759	6,58
Vốn chủ sở hữu	85.266	80.209	112.956	135.225	19,71
Doanh thu thuần	374.539		375.576	310.443	-17,34
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	32.360	43	40.574	40.933	0,89
Lợi nhuận khác	414	-	1.220	-451	-136,92
Lợi nhuận trước thuế	32.775	43	41.974	40.483	-3,14
Lợi nhuận sau thuế	25.340	33	33.402	32.091	-3,92
Giá trị sổ sách 01 cổ phần (đồng/cổ phần)			14.120	16.947	20,02
Tỷ lệ lợi nhuận/ Doanh thu thuần	-	-	8,9%	10,3%	15,92%

*Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn 01/01/2015-24/12/2015 của Công ty TNHH Một thành viên Nước khoáng và Thương mại Dịch vụ Quảng Ninh, BCTC kiểm toán giai đoạn 25/12/2015-31/12/2015, BCTC kiểm toán năm 2016 và 2017 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh*

*(\*) Do giai đoạn 25/12/2015-31/12/2015 Công ty không có Doanh thu thuần, Giá trị sổ sách nên không tính các chỉ tiêu này.*

### 7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

#### 7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Trên thị trường hiện có nhiều sản phẩm có nguồn gốc từ nước khoáng thiên nhiên như Quang Hanh, Cúc Phương, Vital, Vĩnh Hảo,... Các hình thức phân phối, khuyến mại, xúc tiến bán hàng khá đa dạng tạo lên áp lực cạnh tranh cao. Tuy nhiên đánh giá về lợi thế và tiềm năng, Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh có những ưu điểm tạo nên vị thế cao trong ngành.

Hiện Công ty đang quản lý và khai thác sản xuất kinh doanh tại 05 Giếng khoan, là các mỏ nước khoáng Thiên nhiên do Bộ tài nguyên môi trường quản lý - Cục khai thác khoáng sản và Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Ninh cấp phép. Trữ lượng và thời gian được cấp quyền khai thác đủ điều kiện gia tăng sản lượng mục tiêu và phát triển mở rộng thị phần tiêu thụ trong và ngoài nước.

Các mỏ khoáng của Công ty có trữ lượng cao, thành phần khoáng chất đa dạng, phù hợp cho sản xuất đồ uống tiêu dùng. Đặc biệt nguồn nước khoáng Thiên nhiên Quang Hanh có hàm lượng muối khoáng cao được các nhà khoa học đánh giá riêng có bậc nhất khu vực Đông Nam Á. Các nguồn nước khoáng do Công ty quản lý khai thác có đủ điều kiện và đã tạo lên sự khác biệt so với các sản phẩm đồng dạng khác trong ngành.

Công ty có 14.408 m<sup>2</sup> mặt bằng công nghiệp trong đó trên 2.050 m<sup>2</sup> nhà xưởng cùng hệ thống máy móc đủ điều kiện sản xuất trên 70 triệu lít nước khoáng các loại trên năm. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật lành nghề, làm chủ thiết bị công nghệ hiện có và có đủ khả năng tiếp nhận công nghệ mới, vận hành thiết bị hiện đại theo xu thế phát triển ngành.

Đặc biệt hiện Công ty đã đăng ký bản quyền riêng 08 nhãn hiệu hàng hóa, trong đó có nhiều nhãn hiệu có uy tín cao trong ngành và được người tiêu dùng tin yêu lựa chọn sử dụng.

#### 7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Thị trường tiêu thụ do Công ty trực tiếp cung cấp hiện mới có tại 26 tỉnh thành từ Quảng Bình trở ra phía Bắc, với hệ thống tiêu thụ gần 1.000 đại lý và nhà phân phối. Nhưng hệ thống phân phối mới chỉ được hoàn thiện cơ bản tại 10 tỉnh thành khu vực thị trường truyền thống. Các sản phẩm của Công ty đều được sản xuất theo hai hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc tế HACCP và ISO 9001: 2008, tại nguồn các mỏ khoáng có những tính chất riêng phù hợp với xu thế tiêu dùng trong hiện tại và tương lai. Đặc biệt các sản phẩm sản xuất tại lỗ khoan số 4 – Quang Hanh có hàm lượng khoáng hóa cao nhận được các nhà chuyên môn đánh giá cao.

Có thể khẳng định các sản phẩm của công ty đều có đủ các điều kiện và đã trở thành thương hiệu mạnh được tin dùng trong toàn quốc và xuất khẩu ra nước ngoài. Ta có thể thấy được thị trường của Công ty còn nhiều tiềm năng phát triển mở rộng và nâng cao sản lượng tiêu thụ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

### 8. Chính sách với người lao động

#### 8.1. Số lượng người lao động trong Công ty và cơ cấu lao động

Tính đến thời điểm 31/12/2017, tổng số cán bộ công nhân viên chính thức của Công ty là người. Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn và theo phân công lao động như sau:

Yếu tố	Tổng số	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng số lượng người lao động</b>	<b>469</b>	<b>100%</b>
- Trên Đại học	1	0,2%
- Đại học	102	21,7%
- Cao đẳng	35	7,5%
- Trung cấp	49	10,4%
- Lao động phổ thông	282	60,1%

#### 8.2. Chính sách đối với người lao động

##### 8.2.1. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Thời giờ làm việc bình thường của mỗi CBCNV không quá 08 giờ trong 01 ngày, 48 giờ trong 01 tuần (đối với người lao động làm các công việc không đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm).

Người sử dụng lao động có quyền quy định làm việc theo giờ hoặc ngày hoặc tuần; trường hợp theo tuần thì thời giờ làm việc bình thường không quá 10 giờ trong 01 ngày, nhưng không quá 48 giờ trong 01 tuần (đối với người lao động làm các công việc không đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm).

Công ty luôn đảm bảo để người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Pháp luật như: nghỉ phép, ốm, thai sản, hưu, trợ cấp thôi việc, ....

##### 8.2.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Hàng năm Công ty sẽ lập kế hoạch cụ thể về việc tổ chức bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ cho người lao động.

Công ty có thể kết hợp đào tạo tại chỗ (đào tạo thực hành) với gửi đi đào tạo hoặc mở lớp mời thầy (đào tạo lý thuyết) đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt, cán bộ kỹ thuật, nhân viên marketing, nhân viên bán hàng; để nâng cao và có đủ năng lực, trình độ, am hiểu về công nghệ sản xuất, các kiến thức pháp luật về kinh doanh, thương mại quốc tế đáp ứng yêu cầu phát triển của doanh nghiệp.

##### 8.2.3. Chính sách lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi ưu đãi

**Chính sách lương:** Công ty xây dựng chính sách lương trên cơ sở đánh giá kết quả công việc theo mô tả công việc và tiêu chuẩn công việc, khả năng, kinh nghiệm và năng lực của từng cán

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH**

---

bộ công nhân viên đóng góp cho Công ty. Người lao động được trả lương theo thời gian tháng trừ các trường hợp đặc biệt sẽ do Tổng Giám đốc công ty quyết định và được ghi rõ trong Hợp đồng lao động. Hàng năm, căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh và chủ trương của Ban điều hành, Công ty đều tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy định trả lương kịp thời để tiền lương thực sự là đòn bẩy cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Mức tăng lương hàng năm dựa vào thành tích của nhân viên và kết quả kinh doanh của Công ty.

**Chính sách khen thưởng:** Công ty hàng năm có thưởng khuyến khích tăng năng suất lao động và thưởng hàng năm.

Thưởng khuyến khích tăng năng suất lao động được áp dụng cho công nhân trực tiếp sản xuất, nhóm trưởng/tổ trưởng sản xuất, trưởng ca khi hoàn thành hoặc vượt năng suất, khi đạt được tiêu chuẩn đánh giá riêng của từng Nhà máy, từng bộ phận trong từng giai đoạn khác nhau với các mức thưởng khác nhau và được điều chỉnh theo từng thời điểm.

Thưởng hàng năm được căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh hàng năm của Công ty và mức độ hoàn thành công việc của người lao động, người sử dụng lao động thưởng cho người lao động làm việc tại Công ty tùy phòng ban, vị trí cụ thể, mức thưởng từ 0 – 06 tháng tiền lương.

**Chính sách đối với người lao động:** Đảm bảo người lao động trong Công ty được hưởng đầy đủ các chính sách, chế độ theo đúng quy định của Nhà nước và Thỏa ước lao động tập thể. Quan tâm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện lao động thoải mái, hợp vệ sinh, tổ chức các phong trào văn thể... tạo không khí vui tươi phấn khởi. Ngoài ra người lao động còn được hưởng một số hỗ trợ khác như sinh đẻ, hiếu hỉ, sinh nhật, ..., mức hỗ trợ được thay đổi theo từng thời kỳ phù hợp với tình hình thực tế.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ, nghiêm túc việc trích nộp BHYT, BHXH, BHTN và thanh toán kịp thời các chế độ Bảo hiểm theo quy định của Pháp luật.

### **8.2.4. Mức lương bình quân**

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2017 là 8.803.324 đồng/người/tháng.

Mức thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2017 là: 9.016.406 đồng/người/tháng.

## **9. Chính sách cổ tức**

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị Công ty đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Cổ tức được xác định căn cứ vào lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi nộp đầy đủ các khoản thuế, thanh toán các khoản nợ đến hạn, trích lập các quỹ và bù đắp các khoản lỗ trước đó



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Cổ tức chỉ được trả ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Mức cổ tức đối với từng loại cổ phần và hình thức trả cổ tức do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên. HĐQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức mỗi quý hoặc hai quý một lần nếu xét thấy việc tạm ứng này phù hợp với khả năng sinh lợi và tình hình kinh doanh của Công ty, nhưng phải báo cáo để ĐHĐCĐ xem xét tại cuộc họp thường niên khi kết thúc năm tài chính.

Tháng 9 năm 2017, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 với mức 12%/ năm theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

### 10. Tình hình tài chính

#### 10.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

##### 10.1.1 Trích khấu hao Tài sản cố định

###### a. Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến.
- Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.
- Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 06 năm

###### b. Tài sản cố định vô hình

###### Quyền khai thác

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng 8 năm.

###### Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

### 10.1.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc khế ước tiền vay. Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn.

### 10.1.3 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành.

### 10.1.4 Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập các quỹ theo yêu cầu của pháp luật đã được duy trì phù hợp với Điều lệ và pháp luật áp dụng.

### 10.1.5 Tình hình công nợ hiện nay

#### a. Các khoản phải thu

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>1.977.148.305</b>	<b>2.972.013.848</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	752.080.682	785.920.332
Trả trước cho người bán ngắn hạn	404.520.000	1.464.287.691
Phải thu ngắn hạn khác	820.547.623	721.805.825

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

#### b. Các khoản phải trả

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>28.887.940.466</b>	<b>20.159.209.132</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	11.175.177.280	10.436.517.447
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	399.664.466	300.347.799
Thuế và các khoản nộp NN	4.074.426.414	1.167.602.424
Phải trả người lao động	4.360.309.049	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	8.107.458.013	7.762.101.351
Phải trả ngắn hạn khác	241.705.244	160.040.111
Quỹ khen thưởng phúc lợi	529.200.000	332.600.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>15.555.571.000</b>	<b>12.374.580.958</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
Phải trả người bán dài hạn	6.238.980.000	3.119.490.000
Phải trả dài hạn khác	2.068.458.000	2.980.483.000
Dự phòng phải trả dài hạn	7.248.133.000	6.274.607.958
<b>Tổng cộng</b>	<b>44.443.511.466</b>	<b>32.533.790.090</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

### 10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,6	4,75
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,29	4,25
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Tỷ số nợ/Tổng tài sản	%	28,24	19,39
- Tỷ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	39,35	24,06
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho (*)	Vòng	13,59	20,02
- Doanh thu thuần/Tổng TSBQ (*)	Lần	2,03	1,91
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Tỷ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (*)	%	8,89	10,34
- Tỷ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	34,58	25,86
- Tỷ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	18,09	19,74
- Hệ số lợi nhuận từ HĐSXKD/DTT (*)	%	10,80	13,19

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và 2017 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

### 11. Tài sản

Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2017:

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
<b>I</b>	<b>TSCĐ hữu hình</b>	<b>63.399.859.288</b>	<b>27.595.719.855</b>	<b>43,53%</b>
1	Nhà cửa vật kiến trúc	29.338.436.265	15.030.732.679	51,23%
2	Máy móc thiết bị	29.695.166.708	10.682.830.283	35,97%

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH**

3	Phương tiện vận chuyển	4.264.167.952	1.871.718.261	43,89%
4	Thiết bị văn phòng	102.088.363	10.438.632	10,23%
<b>II</b>	<b>TSCĐ vô hình</b>	<b>17.380.197.798</b>	<b>10.117.571.000</b>	<b>58,21%</b>
1	Quyền khai thác	15.767.950.000	9.494.100.000	60,21%
2	Phần mềm máy vi tính	1.612.247.798	623.471.000	38,67%
<b>Tổng cộng</b>		<b>80.780.057.086</b>	<b>37.713.290.855</b>	<b>46,69%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh*

**Đất đai**

**Bảng: Danh sách mặt bằng Công ty hiện đang quản lý, sử dụng**

STT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích đất sử dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích nhà (m <sup>2</sup> )	Hình thức giao/thuê đất	Mục đích sử dụng đất	Thời hạn thuê đất
1	Văn phòng Công ty và Phân xưởng Suối Mơ 1 – Tổ 3A, khu 4, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	2.856,1	2.209,4	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Trụ sở làm việc văn phòng Công ty và Phân xưởng sản xuất nước khoáng Suối Mơ	Thời hạn thuê đến 03/2029
2	Phân xưởng Suối Mơ 2 – Khu 8, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	4.375	1.025,6	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Phân xưởng sản xuất nước khoáng Suối Mơ	Thời hạn thuê đến 08/2029
3	Phân xưởng Quang Hanh – Tổ 5, Khu 4B, Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	2.001	2.128,5	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Phân xưởng sản xuất nước khoáng Quang Hanh	Thời hạn thuê đến 03/2029
4	Khu phụ trợ sản xuất phân xưởng Quang Hanh - Tổ 3, Khu 4A, Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	5.176,6	1.008	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Nhà xưởng sản xuất nước khoáng Quang Hanh	Thời hạn thuê đến 10/07/2063
<b>Tổng cộng</b>		<b>14.408,7</b>	<b>6.371,5</b>			

*Nguồn: Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh*

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

### 12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức dự kiến năm tiếp theo

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
	Thực hiện (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2016	Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2017
Vốn điều lệ	80.000	0,00%	80.000	0,00%
Doanh thu thuần	310.443	-17,34%	220.000	-29,13%
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty	32.091	-3,92%	10.000	-68,84%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty/Doanh thu thuần	10,34%	1.4%	4,55%	-5,8%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	40,11%	-1.6%	12.50%	-27,6%
Cổ tức (*)	12%	0,00%	12%	0,00%

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh và theo kế hoạch của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.*

### 13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

### 14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

#### 14.1. Kế hoạch tổ chức thị trường

##### a. Đối với thị trường truyền thống

Mục tiêu sau cổ phần hóa của Công ty là xây dựng các phương án và cơ chế hợp lý để giữ vững và ổn định các khu vực thị trường truyền thống. Đồng thời, Công ty phải nỗ lực thực hiện tốt công tác khách hàng làm cơ sở thực hiện các biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm theo mục tiêu trong kỳ kế hoạch; từng bước hoàn thiện lại hệ thống phân phối phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu sản phẩm và xu thế thị trường.

##### b. Đối với các vùng thị trường mới khu vực tỉnh ngoài

Công ty xác định cần tập trung đủ mạnh cho công tác phát triển thị trường mới khu vực tỉnh ngoài bởi thị trường mới là một trong yếu tố quan trọng quyết định đến tốc độ phát triển của Công ty sau cổ phần. Các vùng thị trường mới cần thực hiện phát triển hệ thống bán hàng theo mô hình nhà phân phối, nhằm duy trì sự ổn định, tính bền vững và hiệu quả trong công tác đầu tư. Công ty cần có các cơ chế, nhân sự để thực hiện được việc kiểm soát và vận hành hệ thống phân phối qua đó mới chủ động kiểm soát và điều tiết thị trường theo mục tiêu trong các hoạt động bán hàng.

Ngoài ra, Công ty đặt ra mục tiêu xây dựng kế hoạch phát triển mở rộng thị trường từ Đà Nẵng trở vào, đây là những vùng thị trường thời tiết nóng nắng quanh năm, có tiềm năng rất cao trong việc tiêu thụ các sản phẩm từ nguồn nước khoáng Quang Hanh, tạo điều kiện duy trì công tác sản xuất liên tục cho Công ty trong những tháng mùa đông, góp phần thúc đẩy tốc độ phát triển cho Công ty sau cổ phần.

### a. *Thực hiện xúc tiến bán hàng*

Bên cạnh việc xây dựng và thực hiện các hoạt động xúc tiến bán hàng theo kế hoạch, Công ty cần thực hiện chính sách bán hàng linh hoạt để kích thích khả năng tiêu thụ của các khách hàng (C1, C2, C3..) sau nhà phân phối; đồng thời phối hợp hiệu quả các hoạt động PR với các chương trình khuyến mại để người tiêu dùng nhận diện sản phẩm mới trong thời gian đã được xác định. Công ty sẽ xây dựng các chính sách chăm sóc khách hàng theo đặc tính vùng miền nhằm ổn định hệ thống phân phối và thị phần tiêu thụ sản phẩm.

Giai đoạn sau cổ phần hóa, Công ty sẽ thực hiện xây dựng chiến lược Marketing dài hạn, tập trung phát triển các yếu tố mang tính khác biệt nhằm tạo nên những giá trị to lớn có tính đột phá, nâng cao giá trị doanh nghiệp, thương hiệu sản phẩm, sản lượng và doanh thu tiêu thụ, đặc biệt là sự gia tăng lợi nhuận, hiệu quả đầu tư cho Công ty sau cổ phần hóa.

## 14.2. Kế hoạch về sản phẩm

### a. *Đối với các sản truyền thống*

Công ty tiếp tục thực hiện cải tiến, nâng cấp mẫu mã bao bì, chất lượng các sản phẩm truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu khối khách hàng sẵn có. Đồng thời Công ty cũng sẽ lựa chọn để tiếp tục duy trì những sản phẩm truyền thống chủ đạo, nhằm giữ vững thương hiệu và tính chất đặc thù riêng có của nước khoáng thiên nhiên Quang Hanh, làm cơ sở giữ vững niềm tin của người tiêu dùng, từ đó Công ty phát triển các sản phẩm mới có tính kế thừa từ các nguồn nước khoáng sẵn có mà Công ty đang quản lý khai thác.

### b. *Đối với công tác phát triển sản phẩm mới*

Việc được quản lý khai thác và sản xuất các loại nước khoáng thiên nhiên từ nguồn nước khoáng có hàm lượng khoáng hóa cao Quang Hanh là một lợi thế riêng có của Công ty trong 29 năm qua. Đây cũng là điều kiện đủ quan trọng nhất để Công ty tập trung nghiên cứu sản xuất thêm các sản phẩm mới có giá trị thương mại cao trong giai đoạn sau cổ phần hóa. Các sản phẩm mới được sản xuất phải đáp ứng được xu thế tiêu dùng, lợi thế cạnh tranh và có tính kế thừa để đột phá. Việc phát triển sản phẩm mới có tính quyết định đến việc phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng doanh thu và lợi nhuận mục tiêu.

Sản phẩm mới sẽ được phát triển trên cơ sở đánh giá phân khúc khách hàng nhưng phải đảm bảo được yếu tố đặc thù riêng có của từng nguồn nước khoáng thiên nhiên mà Công ty đang quản lý khai thác.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH**

---

Mục tiêu của Công ty là thực hiện thương mại hóa sản phẩm mới từ năm 2018, trong đó đặc biệt quan tâm đến sản phẩm mới có giá trị thương mại cao được sản xuất trên nền nước khoáng thiên nhiên Suối Mơ tại nhà máy Cái Dăm thuộc phường Bãi cháy, Thành phố Hạ long, Quảng Ninh.

### **14.3. Kế hoạch về tài chính**

Sau cổ phần hóa Công ty thực hiện những biện pháp sau để ổn định tài chính cho sản xuất kinh doanh và có nguồn tài chính để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh:

- Chuẩn bị các điều kiện để tham gia kênh huy động vốn dài hạn trên thị trường chứng khoán, trong đó thực hiện chính sách tài chính minh bạch, rõ ràng làm cơ sở để phát hành cổ phiếu ra thị trường nhằm thu hút vốn đầu tư và kinh doanh.
- Duy trì việc thực hiện quản lý tài chính theo pháp lệnh kế toán thống kê. Tranh thủ các chính sách về vay vốn, giảm thuế của Nhà nước cũng như các ưu đãi khác của địa phương trong lĩnh vực đầu tư, phát triển sản phẩm, xuất khẩu.
- Tận dụng triệt để các nguồn vốn tự có, thực hiện vay vốn đầu tư theo lộ trình tương ứng các giai đoạn đầu tư sao cho phù hợp với tốc độ phát triển, kết quả tiêu thụ theo kế hoạch đề ra nhằm hạn chế thấp nhất các khoản chi phí tài chính về vốn vay (thực hiện vay 50% tổng giá trị đầu tư theo kế hoạch).
- Tăng vòng quay vốn, nhất là vốn thuộc các sản phẩm có giá trị thương mại cao thông qua việc áp dụng linh hoạt các phương thức thanh toán đối với khách hàng. Phần đầu tăng vòng quay vốn đầu tư cho bao bì luân chuyển thông qua công tác quản lý thu hồi và sử dụng bao bì luân chuyển để giảm vốn vay ngân hàng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Đa dạng hóa các phương thức thanh toán linh hoạt đối với các nhà cung cấp, tận dụng tốt nhất khả năng có thể đối với nguồn vốn vật tư thông qua các nhà cung cấp nhưng vẫn đảm bảo an toàn tài chính cho Công ty, tập trung cho công tác mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

### **15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty (nếu có)**

Không có.

**II. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Hội đồng quản trị**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Nguyễn Thiều Nam	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Không điều hành
2	Đặng Quốc Bình (Đến ngày 19/3/2017)	Thành viên Hội đồng Quản trị	Không điều hành
3	Nguyễn Việt Dũng (Từ ngày 20/3/2017)	Thành viên Hội đồng Quản trị	Không điều hành
4	Đàm Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị	Điều hành
5	Trần Phương Bắc	Thành viên Hội đồng Quản trị	Không điều hành
6	Phạm Đình Toại	Thành viên Hội đồng Quản trị	Không điều hành
7	Ngô Văn Phước	Thành viên Hội đồng Quản trị	Không điều hành

**1.1. Ông Nguyễn Thiều Nam – Chủ tịch HĐQT**

❖ Thông tin chung:

- Họ và tên: Nguyễn Thiều Nam
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 11/12/1970
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Thương mại

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Masan;
- Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan;
- Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Bất động sản Masan;
- Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Tập đoàn Baltic Titan;
- Thành viên Hội đồng thành viên – Công ty TNHH Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo;
- Chủ tịch công ty, Giám đốc – Công ty TNHH MTV Xây dựng Hoa Hướng Dương;
- Thành viên Hội đồng Thành viên – Công ty TNHH MasanConsumerHoldings;
- Thành viên Hội đồng Thành viên – Công ty TNHH Masan Brewery;
- Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan;



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH**

---

- Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution;
  - Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH MTV Masan Brewery PY;
  - Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH MTV Masan Brewery HG;
  - Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH Masan Master Brewer.
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 5.254.100 cổ phần, chiếm 65,7% vốn điều lệ

Trong đó:

Cổ phần đại diện sở hữu cho Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage: 5.254.100 cổ phần

Cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không có

### **1.2. Ông Đặng Quốc Bình – Thành viên Hội đồng quản trị (đến ngày 19/3/2017)**

❖ Thông tin chung:

- Họ và tên: Đặng Quốc Bình
  - Ngày tháng năm sinh: 10/10/1956
  - Giới tính: Nam
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Bắc Giang
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Chánh văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh.
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty (đến ngày 20/3/2017): 1.152.900 cổ phần chiếm 14,41% vốn điều lệ

Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu cho Tỉnh ủy Quảng Ninh: 1.152.900 cổ phần

Cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có

**1.3. Ông Nguyễn Việt Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị (từ ngày 20/3/2017)**

❖ Thông tin chung:

- Họ và tên: Nguyễn Việt Dũng
- Ngày tháng năm sinh: 10/10/1956
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Giang
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Chánh văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh.

❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty (đến ngày 20/3/2017): 1.152.900 cổ phần chiếm 14,41% vốn điều lệ

Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu cho Tỉnh ủy Quảng Ninh: 1.152.900 cổ phần

Cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có

**1.4. Đàm Sơn – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**

❖ Thông tin chung:

- Họ và tên: Đàm Sơn
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22/07/1959
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Phòng
- Trình độ: Kỹ sư Điện khí hóa XN

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 3.000 cổ phiếu

Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

Cổ phần cá nhân sở hữu: 3.000 cổ phiếu

❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH**

---

- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 6.700 cổ phiếu,
- Mỗi quan hệ: Em – Đàm Thị Bích Thu, nắm giữ: 6.600 cổ phiếu
- Mỗi quan hệ: Con – Đàm Thị Thu Giang, nắm giữ: 100 cổ phiếu

### **1.5. Ông Trần Phương Bắc – Thành viên Hội đồng quản trị**

- ❖ Thông tin chung:
  - Họ và tên: Trần Phương Bắc
  - Ngày tháng năm sinh: 25/01/1974
  - Giới tính: Nam
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Trà Vinh
  - Trình độ: Thạc sĩ Luật
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
  - Luật sư trưởng – Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan;
  - Ban Giám đốc – Masan Consumer (Thailand) Limited;
  - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN;
  - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế;
  - Thành viên Hội đồng thành viên – Công ty TNHH MNS Feed;
  - Thành viên Hội đồng thành viên – Công ty TNHH MNS Meat;
  - Chủ tịch công ty – Công ty TNHH MNS Meat Processing;
  - Chủ tịch công ty – Công ty TNHH MNS Farm;
  - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex.

❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: không có

Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: không có

Cổ phần cá nhân sở hữu: không có

- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có

### **1.6. Ông Phạm Đình Toại – Thành viên Hội đồng quản trị**

- ❖ Thông tin chung:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH**

---

- Họ và tên: Phạm Đình Toại
- Ngày tháng năm sinh: 28/09/1967
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Phúc
- Trình độ: Cử nhân Tài chính Kế toán, Cử nhân Công nghệ thông tin
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
  - Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan;
  - Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Masan;
  - Phó Tổng Giám đốc – Công ty TNHH MasanConsumerHoldings;
  - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo;
  - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa;
  - Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn;
  - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan;
  - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage;
  - Ban Giám đốc – Masan Consumer (Thailand) Limited.
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: không có
- ❖ Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: không có  
Cổ phần cá nhân sở hữu: không có
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có

### **1.7. Ông Ngô Văn Phước – Thành viên Hội đồng quản trị**

- ❖ Thông tin chung:
  - Họ và tên: Ngô Văn Phước
  - Giới tính: Nam
  - Ngày tháng năm sinh: 22/12/1971
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Trình độ: Cử nhân Tài chính Kế toán

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

---

- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- Giám đốc Phát triển Khách hàng Cấp cao Toàn quốc và Giám đốc Kinh doanh Kênh Truyền thống Ngành hàng Thực phẩm/Café/ Ngũ cốc – Khu vực Miền Bắc - Công ty cổ phần Hàng Tiêu dùng Masan
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: không có
- ❖ Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: không có  
Cổ phần cá nhân sở hữu: không có
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có

### 1.8. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### a. Tình hình kinh doanh và những thành tựu chính Công ty đã đạt được trong năm 2017:

Trong năm 2017, Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh đã đạt được những kết quả kinh doanh như sau:

- Doanh thu thuần: 310.443.191.064 VNĐ, bằng 82,7% so với năm 2016 và đạt 80,5% so với kế hoạch
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty: 32.091.454.033 VNĐ, bằng 96,1% so với năm 2016 và đạt 91,7% so với kế hoạch

Trong năm 2017, mặc dù doanh thu của Công ty không tăng trưởng do tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn, nhưng nhờ cắt giảm các chi phí và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn mà lợi nhuận sau thuế gần như đã đạt kế hoạch đặt ra.

Ngoài ra, năm 2017 Công ty tập trung vào việc mở rộng hệ thống phân phối cũng như cơ cấu lại bộ máy tổ chức của Công ty.

#### b. Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2017:

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị đã thực hiện:

- Giám sát, chỉ đạo Ban điều hành trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH**

- Phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc và Ban điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh cho Công ty;
- Quyết định việc cơ cấu lại mô hình kinh doanh và cơ cấu tổ chức của Công ty, mang lại hiệu quả trong công tác quản lý;
- Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mức thù lao: Chủ tịch Hội đồng Quản trị là 30.000.000 đồng/ tháng/ người; các thành viên Hội đồng Quản trị là 20.000.000 đồng/ tháng/ người. Tuy nhiên, một số thành viên Hội đồng Quản trị không nhận thù lao. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị trong năm 2017 là 240.000.000 đồng.
- Các quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty được ban hành trong năm 2017:

<b>STT</b>	<b>Số Nghị quyết/ Quyết định</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung</b>
1.	01/2017/NQ-HĐQT	02/3/2017	Phê duyệt ngày đăng ký cuối cùng tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
2.	02/2017/NQ-HĐQT	04/3/2017	Thông qua ngân sách đầu tư tài sản cố định của Công ty
3.	03/2017/NQ-HĐQT	20/3/2017	Phê duyệt việc từ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của ông Đặng Quốc Bình và tạm thời bầu bổ sung ông Nguyễn Việt Dũng thay thế
4.	04/2017/NQ-HĐQT	20/3/2017	Phê duyệt việc mua lại cổ phiếu của người lao động do nghỉ việc trước thời hạn cam kết
5.	05A/2017/NQ-HĐQT	20/3/2017	Phê duyệt các vấn đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua
6.	05/2017/NQ-HĐQT	14/12/2017	Phê duyệt việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty

### **c. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành:**

- Tổng Giám đốc và Ban điều hành của Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty;
- Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty đã kịp thời cập nhật tình hình, đưa ra các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị phương án giải quyết;

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

---

- Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ và hiệu quả các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội đồng Quản trị;
- Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã hoạt động tích cực, vận dụng hiệu quả các nguồn lực kinh doanh của Công ty.

### d. Mục tiêu hoạt động năm 2018:

Năm 2018 được dự kiến sẽ là một năm có nhiều khó khăn và thách thức của Công ty về doanh số và sản lượng tiêu thụ; cùng với việc nâng cao công suất sản xuất và phát triển sản phẩm mang tính đa dạng, chất lượng. Ngoài ra, tình hình nguyên vật liệu đầu vào dự kiến cũng tăng cao trong năm 2018.

- Năm 2018, Công ty tập trung vào đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, hiện đại hóa máy móc thiết bị tại các nhà máy, phân xưởng sản xuất của Công ty; đồng thời với việc đầu tư xây dựng nhà máy, cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị nhằm tìm kiếm cơ hội gia công các sản phẩm trong cùng tập đoàn Masan ở phía Bắc.
- Năm 2018, Công ty tiếp tục mở rộng phân phối trên phạm vi các tỉnh phía Bắc, đồng thời với việc tập trung vào các thị trường trọng điểm, trên cơ sở hợp nhất với nền tảng vận hành và hệ thống phân phối rộng khắp của tập đoàn Masan.
- Năm 2018, Công ty sẽ tung ra các sản phẩm mới được phát triển trên nền nước khoáng Quang Hanh cũng như phát triển các sản phẩm chủ lực với hai tiêu chí cốt lõi: vừa tốt cho sức khỏe người tiêu dùng và vừa giải khát sảng khoái.

Chúng tôi tin rằng với đội ngũ nhân lực tài năng, nhiều kinh nghiệm và đầy tâm huyết, chúng ta sẽ đạt được những kỳ vọng đã đặt ra trong năm 2018.

## 2. Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Thị Thùy Dương	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Nguyễn Thị Tuyết	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Đỗ Thị Hoàng Yến	Thành viên Ban Kiểm soát

### Sơ yếu lý lịch thành viên BKS

#### 2.1. Bà Phạm Thị Thùy Dương - Trưởng Ban Kiểm soát

##### ❖ Thông tin chung:

- Họ và tên: Phạm Thị Thùy Dương
- Ngày tháng năm sinh: 21/01/1980

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH**

---

- Giới tính: Nữ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán Kiểm toán
  - ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- Trưởng Bộ phận Kế toán Quản trị Ngành hàng - Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Masan;
- Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hào.
  - ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: không có
  - Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: không có
  - Cổ phần cá nhân sở hữu: không có
  - ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
  - ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
  - ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có

### **2.2. Bà Nguyễn Thị Tuyết - Thành viên Ban Kiểm soát**

- ❖ Thông tin chung:
- Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết
- Ngày tháng năm sinh: 01/12/1968
- Giới tính: Nữ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ: Thạc sĩ Quản trị - Quản lý
  - ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- Trưởng phòng Tài chính ngân sách - Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh
  - ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty:
  - Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: không có
  - Cổ phần cá nhân sở hữu: không có
  - ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
  - ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
  - ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có



**2.3. Bà Đỗ Thị Hoàng Yến – Thành viên Ban kiểm soát**

❖ Thông tin chung:

- Họ và tên: Đỗ Thị Hoàng Yến
- Ngày tháng năm sinh: 31/10/1983
- Giới tính: Nữ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ: Cử nhân Luật

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Luật sư - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan;
- Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty Cổ phần Masan;
- Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
- Kiểm soát viên – Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan;
- Kiểm soát viên – Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage;
- Kiểm soát viên – Công ty TNHH Một thành viên Masan MB;
- Kiểm soát viên – Công ty TNHH Một thành viên Masan HG;
- Kiểm soát viên – Công ty TNHH Một thành viên Nam Ngư Phú Quốc;
- Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Ma San PQ;
- Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Bất động sản Masan;
- Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Dịch vụ Toàn cầu Masan;
- Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex.

❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: không có

Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: không có

Cổ phần cá nhân sở hữu: không có

❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có

❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có

❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có

**2.4. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**a. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2017:**

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã thực hiện:

- Tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý các hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Tổng Giám đốc (TGD) liên quan đến việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ( ĐHĐCĐ) năm 2017;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Xem xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.
- Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã xem xét các hoạt động liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị công ty theo quy định.
- Năm 2017, ngoài thù lao được nhận theo phê duyệt của ĐHĐCĐ, hoạt động của Ban kiểm soát không phát sinh bất kỳ chi phí hoạt động nào.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH**

**b. Tình hình tài chính và tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2017:**

**(i) Bảng cân đối kế toán:**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>95.759.993.927</b>	<b>75.068.990.344</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>64.957.880.700</b>	<b>60.736.050.776</b>
Tiền	111		4.657.880.700	9.736.050.776
Các khoản tương đương tiền	112		60.300.000.000	51.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		15.000.000.000	2.500.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.972.013.848</b>	<b>1.977.148.305</b>
Phải thu của khách hàng	131		785.920.332	752.080.682
Trả trước cho người bán	132		1.464.287.691	404.520.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	721.805.825	820.547.623
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>10.176.716.886</b>	<b>9.033.190.016</b>
Hàng tồn kho	141		10.257.309.563	10.185.741.968
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(80.592.677)	(1.152.551.952)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.653.382.493</b>	<b>822.601.247</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.282.725.017	822.601.247
Thuế phải thu Nhà nước	153		1.370.657.476	-
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>71.999.143.211</b>	<b>82.330.894.137</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>300.000.000</b>	<b>-</b>
Phải thu dài hạn khác	216		300.000.000	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>37.713.290.855</b>	<b>44.337.457.005</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	27.595.719.855	31.702.464.514
Nguyên giá	222		63.399.859.288	63.818.942.677
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.804.139.433)	(32.116.478.163)
Tài sản cố định vô hình	227	9	10.117.571.000	12.634.992.491
Nguyên giá	228		17.380.197.798	17.380.197.798
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.262.626.798)	(4.745.205.307)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.131.382.000</b>	<b>329.109.979</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	1.131.382.000	329.109.979
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>32.854.470.356</b>	<b>37.664.327.153</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	31.937.266.533	36.290.309.292
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	917.203.823	1.374.017.861
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>167.759.137.138</b>	<b>157.399.884.481</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>32.533.790.090</b>	<b>44.443.511.466</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20.159.209.132</b>	<b>28.887.940.466</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	10.436.517.447	11.175.177.280
Người mua trả tiền trước	312		300.347.799	399.664.466
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	1.167.602.424	4.074.426.414
Phải trả người lao động	314		-	4.360.309.049
Chi phí phải trả	315	15	7.762.101.351	8.107.458.013
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	160.040.111	241.705.244
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	332.600.000	529.200.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.374.580.958</b>	<b>15.555.571.000</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	13	3.119.490.000	6.238.980.000
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	2.980.483.000	2.068.458.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	6.274.607.958	7.248.133.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>135.225.347.048</b>	<b>112.956.373.015</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>135.225.347.048</b>	<b>112.956.373.015</b>
Vốn cổ phần	411	20	80.000.000.000	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	20	176.083.000	176.083.000
Cổ phiếu quỹ	415	20	(247.200.000)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		55.296.464.048	32.780.290.015
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		23.205.010.015	33.300.760
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		32.091.454.033	32.746.989.255
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>167.759.137.138</b>	<b>157.399.884.481</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

---

### (ii) Kết quả hoạt động kinh doanh:

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng	01	23	331.262.377.114	398.431.918.238
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	20.819.186.050	22.855.975.857
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>310.443.191.064</b>	<b>375.575.942.381</b>
Giá vốn hàng bán	11	24	192.327.245.736	255.315.998.699
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>118.115.945.328</b>	<b>120.259.943.682</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	3.017.358.742	958.170.080
Chi phí tài chính	22		2.304.000	109.653.299
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	109.653.299
Chi phí bán hàng	25	26	65.141.580.219	58.988.341.324
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	15.055.956.379	21.546.534.838
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>40.933.463.472</b>	<b>40.573.584.301</b>
Thu nhập khác	31		1.014.534	1.683.695.196
Chi phí khác	32		451.544.386	463.441.550
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(450.529.852)</b>	<b>1.220.253.646</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>40.482.933.620</b>	<b>41.793.837.947</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	7.934.665.549	9.765.866.553
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	29	456.814.038	(1.374.017.861)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>32.091.454.033</b>	<b>33.401.989.255</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	4.016	4.175

### c. Đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017:

Các số liệu về tình hình tài chính và tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán theo quy định của Bộ Tài chính (do Công ty TNHH KPMG thực hiện và xác nhận), đã có hồ sơ kiểm toán lưu tại Công ty, các số liệu đảm bảo chính xác với báo cáo đã được kiểm toán.

**(i) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:**

- Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2017: 313.462 triệu đồng, giảm 18,59% so với kế hoạch. Nguyên nhân của việc sụt giảm doanh thu này là do sự cạnh tranh của các nhãn hàng khác trong cùng ngành nghề, cộng với đặc thù thời tiết của tỉnh Quảng Ninh năm vừa qua, mưa liên tục trong 3 tháng dẫn đến sụt giảm doanh thu bán hàng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế 32.091 triệu đồng, giảm 8,32% so với kế hoạch
- Nộp ngân sách nhà nước 36.342 triệu đồng.

**(ii) Tình hình tài chính của doanh nghiệp:**

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn: 4,75 lần
- Hệ số bảo toàn vốn: 1,2 lần
- Năm 2017, Công ty kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển được vốn của nhà đầu tư, tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư đạt bình quân 25,86%.

**(iii) Tình hình quản lý và sử dụng vốn và tài sản:**

- Tình hình trích khấu hao tài sản: Trích đúng với các quy định của Bộ Tài chính.
- Tình hình công nợ phải thu đến kỳ báo cáo:
- Tổng số nợ phải thu: 786 triệu đồng, so với doanh thu tiền hàng phải thu trong năm chiếm tỷ lệ 0,2% rất nhỏ.
- Công ty đã thực hiện quản lý rất tốt công nợ phải thu, không có nợ xấu, nợ khó đòi, không có nợ quá hạn phải trả.
- Tình hình công nợ phải trả đến kỳ báo cáo:
- Tổng số nợ phải trả: 32.534 triệu đồng, trong đó: Nợ ngắn hạn phải trả: 20.159 triệu đồng; nợ dài hạn phải trả: 12.375 triệu đồng
- Các khoản công nợ phải trả Công ty đều cân đối được khả năng tài chính, không có khoản nợ phải trả quá hạn trong năm tài chính, không làm ảnh hưởng đến hoạt động tài chính của Công ty.

**(iv) Tình hình chấp hành chế độ chính sách:**

- Ban Giám đốc Công ty đã chỉ đạo, điều hành nghiêm túc việc thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Nhà nước về kê khai, nộp thuế.
- Chấp hành tốt chế độ, chính sách và pháp luật của Nhà nước, tuân thủ và chấp hành đầy đủ các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương, bảo hiểm đối với người lao động và các chính sách khác...

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

### d. Nhận xét về công tác quản lý công ty của HĐQT năm 2017:

- Năm 2017, HĐQT cơ bản đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- HĐQT đã có những hoạt động chỉ đạo, phối hợp hiệu quả với TGD để giải quyết nhanh chóng các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### e. Nhận xét công tác điều hành công ty của Tổng Giám đốc năm 2017:

- Năm 2017, TGD đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty, triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời, hiệu quả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; chủ động lập kế hoạch, điều hành sản xuất kinh doanh; củng cố bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty tinh gọn, hiệu quả.
- Cùng với TGD, Ban điều hành Công ty có sự phối hợp chặt chẽ, chủ động, tích cực trong tìm kiếm giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

### f. Kết luận:

- Các hoạt động của Công ty trong năm 2017 về cơ bản tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Trong năm 2017, Ban Kiểm soát chưa tìm thấy dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

### 3. Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đàm Sơn	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Hữu Chính	Phó Tổng Giám đốc
3	Huỳnh Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc
4	Đỗ Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng

#### Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Tổng Giám đốc

**3.1. Ông Đàm Sơn - Tổng Giám đốc được trình bày tại mục 1.3 phần II**

**3.2. Ông Nguyễn Hữu Chính – Phó Tổng Giám đốc**

❖ Thông tin chung:

- Họ và tên: Nguyễn Hữu Chính
- Ngày tháng năm sinh: 09/03/1966
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thụy Duyên, Thái Thụy, Thái Bình
- Trình độ: Cử nhân kinh tế ngành Kinh tế lao động

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có

❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 6.700 cổ phần chiếm 0,08% vốn điều lệ

Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cổ phần cá nhân sở hữu: 6.700 cổ phần

❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có

❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có

❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 6.300 cổ phần

- Mối quan hệ: Em – Nguyễn Hữu Mỹ, nắm giữ: 3.000 cổ phiếu
- Mối quan hệ: Vợ – Nguyễn Thị Mên, nắm giữ: 3.300 cổ phiếu

**3.3. Ông Huỳnh Ngọc Bảo – Phó Tổng Giám đốc**

❖ Thông tin chung:

- Họ và tên: Huỳnh Ngọc Bảo
- Ngày tháng năm sinh: 29/04/1974
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ: Kỹ sư chế tạo máy chuyên ngành tự động hóa; Thạc sĩ: Kỹ thuật Công nghiệp và Sản xuất, chuyên ngành Quản lý chuỗi cung ứng.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Phó Giám đốc Kế hoạch cung ứng Masan Consumer



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH**

---

- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: không có
  - Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: không có
  - Cổ phần cá nhân sở hữu: không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có

### **3.4. Ông Đỗ Quốc Bình - Phó Tổng Giám đốc**

- ❖ Thông tin chung:
  - Họ và tên: Đỗ Quốc Bình
  - Ngày tháng năm sinh: 18/12/1962
  - Giới tính: Nam
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Hải Dương
  - Trình độ:
    - + Văn hóa: 12/12
    - + Chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh Công nghiệp
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 3.400 cổ phần chiếm 0,04% vốn điều lệ
  - Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần
  - Cổ phần cá nhân sở hữu: không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 400 cổ phần
  - Mối quan hệ: Con – Đỗ Quý Dương, nắm giữ: 400 cổ phiếu

### **3.5. Bà Phạm Thị Thu Hương – Kế toán trưởng**

- ❖ Thông tin chung:
  - Họ và tên: Phạm Thị Thu Hương
  - Ngày tháng năm sinh: 18/10/1974
  - Giới tính: Nữ
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

---

- Trình độ: Cử nhân khoa học ngành tin học, Cử nhân kinh tế ngành Kế toán
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- ❖ Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty: 6.900 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ  
Trong đó: Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần  
Cổ phần cá nhân sở hữu: 6.900 cổ phần
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: không có
- ❖ Lợi ích có liên quan đối với Công ty: không có
- ❖ Số lượng cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 200 cổ phần
- Mối quan hệ: Em – Phạm Thị Hậu, nắm giữ: 200 cổ phiếu

### 3.6. Báo cáo của Ban điều hành:

#### a. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017

- Năm 2017 là năm tiếp theo thực hiện theo mô hình công ty cổ phần, Công ty tiếp tục được Lãnh đạo Tập đoàn quan tâm chỉ đạo cụ thể, sát với thực tiễn. Các bộ phận chuyên môn của Tập đoàn luôn bám sát diễn biến các hoạt động sản xuất-kinh doanh của Công ty phối hợp chỉ đạo, hỗ trợ trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo và các bộ phận chuyên môn của Tập đoàn, công ty tiếp tục triển khai áp dụng các biện pháp quản lý tiên tiến, nâng cao hiệu quả trong quản lý.
- Tập thể CBCNV luôn đoàn kết, nỗ lực, cố gắng thực hiện nhiệm vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Bên cạnh những thuận lợi đã nêu, năm 2017 tình hình tiêu thụ sản phẩm nước giải khát nói chung và sản phẩm của Công ty nói riêng tiếp tục gặp nhiều khó khăn do một số nguyên nhân sau:
  - Thời tiết diễn biến phức tạp, mùa vụ chính tiêu thụ sản phẩm gặp mưa bão kéo dài làm ảnh hưởng đến nhu cầu của người tiêu dùng.
  - Sự cạnh tranh quyết liệt của nhiều loại sản phẩm nước giải khát, trong đó Các nhãn hiệu sản phẩm Chanh Muối đa dạng về chất lượng và giá bán, đặc biệt là các loại hàng kém chất lượng, hàng nhái tiếp tục gây ảnh hưởng không nhỏ tới việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty.
- Mặc dù đã nỗ lực, cố gắng hết sức trong chỉ đạo, điều hành, song do những khó khăn về thời tiết và thị trường tiêu thụ, Công ty đã không hoàn thành được kế hoạch được giao. Kết quả cụ thể như sau:
  - Sản lượng: 58 triệu lít - Bằng 90,9 % so cùng kỳ
  - Doanh thu: 310,4 tỷ đồng - Bằng 83% so cùng kỳ
  - Lợi nhuận sau thuế: 32,1 tỷ đồng - Bằng 96 % so cùng kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

---

- Nguyên nhân chỉ tiêu Lợi nhuận đạt tỷ lệ cao hơn là do Công ty đã làm tốt công tác quản lý và tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh.
- Thay mặt Ban điều hành tôi xin nhận trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông vì đã không hoàn thành kế hoạch được giao đồng thời mong muốn Đại hội đồng cổ đông chia sẻ những khó khăn trong thực hiện kế hoạch năm 2017.

### b. Hoạt động của Ban điều hành trong năm 2017

Trong năm 2017, Ban điều hành đã thực hiện:

- Chỉ đạo, điều hành các bộ phận chuyên môn, phân xưởng sản xuất bám sát mục tiêu kinh doanh do Tập đoàn giao.
- Giám sát cán bộ nhân viên quản lý thuộc Công ty trong quá trình thực hiện công tác sản xuất kinh doanh theo kế hoạch.
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị đề ra các định hướng cũng như giải quyết các yêu cầu kinh doanh cho Công ty.
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị quyết định cơ cấu mô hình tổ chức kinh doanh phù hợp với yêu cầu trong tình hình hiện tại.

### c. Mục tiêu hoạt động kinh doanh năm 2018

- Thực hiện đổi mới mô hình kinh doanh, năm 2018 Công ty xác định trọng tâm là sản xuất đầy đủ hàng hóa theo kế hoạch tập đoàn giao, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo hồ sơ công bố. Chúng tôi tin tưởng rằng với Sự chỉ đạo sâu sát của Ban điều hành và sự nỗ lực cố gắng của tập thể CBCNV, Công ty sẽ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao năm 2018:

(Tỷ đồng)	Kế hoạch 2018	
	Thấp	Cao
Doanh thu thuần	220	250
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu của Công ty	10	15

- Biện pháp thực hiện:

#### (i) Về công tác quản lý

- Các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ tăng cường công tác đào tạo, rèn luyện kỹ năng tiếp thu, áp dụng thành thạo các mô hình quản lý tiên tiến, phù hợp với các đơn vị trong Tập đoàn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH

---

- Thực hiện rà soát, bổ sung, hoàn thiện các nội quy, quy chế nội bộ của công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý của Tập đoàn đồng thời phù hợp với yêu cầu quản lý của các cơ quan chức năng của nhà nước tại địa phương.
  - Về chính sách quản lý nhân sự: Tiếp tục hoàn thiện, áp dụng phương pháp đánh giá kết quả thực hiện công việc bằng chỉ số KPI. Đảm bảo người lao động thực hiện đúng trách nhiệm của từng vị trí công tác, nâng cao hiệu quả thực hiện công việc. Thực hiện đánh giá kết quả công việc rõ ràng, minh bạch, công bằng và hiệu quả hơn.
- (ii) Về đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị
- Nhằm tiếp tục tăng cường năng lực sản xuất trên cơ sở sử dụng hệ thống máy móc thiết bị hiện có, năm 2018 Công ty đã xây dựng kế hoạch đầu tư bổ sung, hoàn thiện hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị và phương tiện sản xuất với tổng kinh phí dự kiến: 7,97 tỷ đồng.
  - Thực hiện vận hành hiệu quả phòng Lab, góp phần nâng cao năng lực sản xuất sản phẩm đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu tiêu thụ.
- (iii) Về quản lý sản xuất
- Bố trí sắp xếp hợp lý lao động tại các bộ phận, các tổ đội sản xuất trên cơ sở nguồn nhân lực hiện có, hoàn thành kế hoạch sản xuất được giao.
  - Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình sản xuất, khắc phục tối đa hiện tượng sản phẩm không phù hợp đưa ra thị trường.
  - Thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy chế và các quy định hiện hành tại Công ty.

Chúng tôi tin rằng với đội ngũ nhân lực kinh nghiệm, đầy tâm huyết và định hướng đúng đắn trong sản xuất kinh doanh, chúng ta sẽ đạt được những mục tiêu đặt ra trong năm 2018.

### III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017 (ĐÃ KIỂM TOÁN)



**Công ty Cổ phần Nước khoáng  
Quảng Ninh**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Kinh doanh số** 5700379618

ngày 1 tháng 9 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5700379618 ngày 25 tháng 12 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Thiệu Nam	Chủ tịch
Ông Phạm Đình Toại	Thành viên
Ông Ngô Văn Phước	Thành viên
Ông Trần Phương Bắc	Thành viên
Ông Đàm Sơn	Thành viên
Ông Đặng Quốc Bình	Thành viên
	(đến ngày 19 tháng 3 năm 2017)
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên
	(từ ngày 20 tháng 3 năm 2017)

**Ban Giám đốc**

Ông Đàm Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Tổ 3A, Khu 4  
Phố Suối Mơ  
Phường Bãi Cháy  
Thành phố Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Đàm Bôn  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Quảng Ninh, ngày 7 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





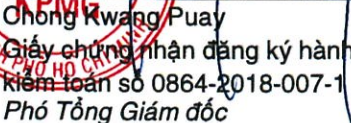
### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-530



  
Phung Kwang Puay  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0864-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2018

1  
1  
1  
1  
1

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>95.759.993.927</b>	<b>75.068.990.344</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>64.957.880.700</b>	<b>60.736.050.776</b>
Tiền	111		4.657.880.700	9.736.050.776
Các khoản tương đương tiền	112		60.300.000.000	51.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		15.000.000.000	2.500.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.972.013.848</b>	<b>1.977.148.305</b>
Phải thu của khách hàng	131		785.920.332	752.080.682
Trả trước cho người bán	132		1.464.287.691	404.520.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	721.805.825	820.547.623
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>10.176.716.886</b>	<b>9.033.190.016</b>
Hàng tồn kho	141		10.257.309.563	10.185.741.968
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(80.592.677)	(1.152.551.952)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.653.382.493</b>	<b>822.601.247</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.282.725.017	822.601.247
Thuế phải thu Nhà nước	153		1.370.657.476	-
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>71.999.143.211</b>	<b>82.330.894.137</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>300.000.000</b>	<b>-</b>
Phải thu dài hạn khác	216		300.000.000	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>37.713.290.855</b>	<b>44.337.457.005</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	27.595.719.855	31.702.464.514
Nguyên giá	222		63.399.859.288	63.818.942.677
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.804.139.433)	(32.116.478.163)
Tài sản cố định vô hình	227	9	10.117.571.000	12.634.992.491
Nguyên giá	228		17.380.197.798	17.380.197.798
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.262.626.798)	(4.745.205.307)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.131.382.000</b>	<b>329.109.979</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	1.131.382.000	329.109.979
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>32.854.470.356</b>	<b>37.664.327.153</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	31.937.266.533	36.290.309.292
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	917.203.823	1.374.017.861
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>167.759.137.138</b>	<b>157.399.884.481</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>32.533.790.090</b>	<b>44.443.511.466</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20.159.209.132</b>	<b>28.887.940.466</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	10.436.517.447	11.175.177.280
Người mua trả tiền trước	312		300.347.799	399.664.466
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	1.167.602.424	4.074.426.414
Phải trả người lao động	314		-	4.360.309.049
Chi phí phải trả	315	15	7.762.101.351	8.107.458.013
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	160.040.111	241.705.244
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	332.600.000	529.200.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.374.580.958</b>	<b>15.555.571.000</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	13	3.119.490.000	6.238.980.000
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	2.980.483.000	2.068.458.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	6.274.607.958	7.248.133.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>135.225.347.048</b>	<b>112.956.373.015</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>135.225.347.048</b>	<b>112.956.373.015</b>
Vốn cổ phần	411	20	80.000.000.000	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	20	176.083.000	176.083.000
Cổ phiếu quỹ	415	20	(247.200.000)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		55.296.464.048	32.780.290.015
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		23.205.010.015	33.300.760
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		32.091.454.033	32.746.989.255
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>167.759.137.138</b>	<b>157.399.884.481</b>

Ngày 7 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Phùng Thị Yên  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương  
Kế toán Trưởng



Đàm Sơn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng	01	23	331.262.377.114	398.431.918.238
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	20.819.186.050	22.855.975.857
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>310.443.191.064</b>	<b>375.575.942.381</b>
Giá vốn hàng bán	11	24	192.327.245.736	255.315.998.699
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>118.115.945.328</b>	<b>120.259.943.682</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	3.017.358.742	958.170.080
Chi phí tài chính	22		2.304.000	109.653.299
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	109.653.299
Chi phí bán hàng	25	26	65.141.580.219	58.988.341.324
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	15.055.956.379	21.546.534.838
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>40.933.463.472</b>	<b>40.573.584.301</b>
Thu nhập khác	31		1.014.534	1.683.695.196
Chi phí khác	32		451.544.386	463.441.550
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(450.529.852)</b>	<b>1.220.253.646</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>40.482.933.620</b>	<b>41.793.837.947</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	7.934.665.549	9.765.866.553
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	29	456.814.038	(1.374.017.861)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>32.091.454.033</b>	<b>33.401.989.255</b>
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	4.016	4.175

Ngày 7 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Phùng Thị Yến  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Thị Thu Hương  
Kế toán Trưởng



Đàm Sơn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>40.482.933.620</b>	<b>41.793.837.947</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	9.585.190.186	9.397.907.672
Các khoản dự phòng	03	(827.123.036)	8.400.684.952
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(2.676.512.894)	(494.728.530)
Chi phí lãi vay	06	-	109.653.299
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>46.564.487.876</b>	<b>59.207.355.340</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	353.208.261	679.155.679
Biến động hàng tồn kho	10	(1.289.928.876)	18.363.927.838
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(4.728.351.267)	(80.645.167.329)
Biến động chi phí trả trước	12	4.044.001.489	3.456.437.105
		<b>44.943.417.483</b>	<b>1.061.708.633</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(109.653.299)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.197.648.092)	(9.258.245.334)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(196.600.000)	(11.911.294.136)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>32.549.169.391</b>	<b>(20.217.484.136)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(9.567.556.426)	(6.228.468.777)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	734.125.330	79.727.273
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(37.500.000.000)	(205.500.000.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24	25.000.000.000	203.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.828.001.629	761.747.858
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(18.505.429.467)</b>	<b>(7.886.993.646)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2017 VND	2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(247.200.000)	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	5.721.041.707
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(5.721.041.707)
Tiền chi trả cổ tức	36	(9.574.710.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(9.821.910.000)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>4.221.829.924</b>	<b>(28.104.477.782)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>60.736.050.776</b>	<b>88.840.528.558</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>64.957.880.700</b>	<b>60.736.050.776</b>

Ngày 7 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Phùng Thị Yên  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:





Phạm Thị Thu Hương  
Kế toán Trưởng

Đàm Sơn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đồ uống không cồn và nước khoáng; khai thác, xử lý và cung cấp nước và xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 469 nhân viên (1/1/2017: 491 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(e) Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(c) Phải thu của khách hàng và phải thu khác**

Phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.





**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 6 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền khai thác**

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng là 8 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí giải phóng mặt bằng**

Chi phí giải phóng mặt bằng là chi phí bồi thường mà Công ty chi trả cho dân cư tại khu vực thuê mặt bằng. Chi phí giải phóng mặt bằng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 20 năm.

**(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa**

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 5 năm (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần)

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(i) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

11/11/2018

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(k) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phiếu phổ thông đã phát hành được mua lại, khoản tiền đã trả để mua lại bao gồm chi phí liên quan trực tiếp, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ thuộc vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra cho mục đích tái phát hành, giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa khoản tiền nhận được và giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần..

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

11  
H  
N  
K  
11

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu bán hàng không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(o) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

**(i) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(ii) Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan này.

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

1  
3  
11

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Lãi và lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất và kinh doanh đồ uống và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	773.089.717	1.456.387.065
Tiền gửi ngân hàng	3.884.790.983	8.279.663.711
Các khoản tương đương tiền	60.300.000.000	51.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<b>64.957.880.700</b>	<b>60.736.050.776</b>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Đầu tư tài chính ngắn hạn****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2017</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2017</b> <b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	15.000.000.000	2.500.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**6. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2017</b> <b>VND</b>
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	380.208.335	196.422.222
Ký quỹ ngắn hạn	247.380.000	484.880.000
Phải thu khác	94.217.490	139.245.401
	<b>721.805.825</b>	<b>820.547.623</b>

**7. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2017</b>		<b>1/1/2017</b>	
	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Dự phòng</b> <b>VND</b>	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Dự phòng</b> <b>VND</b>
Nguyên vật liệu	4.632.374.159	(80.592.677)	7.507.114.858	(1.152.551.952)
Công cụ và dụng cụ	3.216.416.578	-	2.203.397.820	-
Thành phẩm	2.265.843.434	-	295.970.199	-
Hàng hóa	142.675.392	-	179.259.091	-
	<b>10.257.309.563</b>	<b>(80.592.677)</b>	<b>10.185.741.968</b>	<b>(1.152.551.952)</b>

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.152.551.952	-
Tăng dự phòng trong năm	146.402.006	1.152.551.952
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.218.361.281)	-
Số dư cuối năm	<u>80.592.677</u>	<u>1.152.551.952</u>

Trong hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 81 triệu VND (1/1/2017: 1.153 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	28.109.739.854	29.256.030.708	6.351.083.752	102.088.363	63.818.942.677
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	2.489.688.214 (1.260.991.803)	1.355.736.000 (916.600.000)	185.000.000 (2.271.915.800)	- -	4.030.424.214 (4.449.507.603)
Số dư cuối năm	29.338.436.265	29.695.166.708	4.264.167.952	102.088.363	63.399.859.288
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	12.249.543.129	16.160.682.036	3.626.100.687	80.152.311	32.116.478.163
Khấu hao trong năm Thanh lý	2.877.306.976 (819.146.519)	3.546.612.332 (694.957.943)	632.351.967 (1.866.002.963)	11.497.420 -	7.067.768.695 (3.380.107.425)
Số dư cuối năm	14.307.703.586	19.012.336.425	2.392.449.691	91.649.731	35.804.139.433
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	15.860.196.725	13.095.348.672	2.724.983.065	21.936.052	31.702.464.514
Số dư cuối năm	15.030.732.679	10.682.830.283	1.871.718.261	10.438.632	27.595.719.855

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty có các tài sản có nguyên giá là 169 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 169 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền khai thác VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	15.767.950.000	1.612.247.798	17.380.197.798
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.239.400.000	505.805.307	4.745.205.307
Khấu hao trong năm	2.034.450.000	482.971.491	2.517.421.491
Số dư cuối năm	6.273.850.000	988.776.798	7.262.626.798
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	11.528.550.000	1.106.442.491	12.634.992.491
Số dư cuối năm	9.494.100.000	623.471.000	10.117.571.000

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty có các tài sản có nguyên giá là 171 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 171 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2017 VND</b>
Số dư đầu năm	329.109.979
Tăng trong năm	4.983.778.735
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.030.424.214)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(151.082.500)
Số dư cuối năm	1.131.382.000

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
Máy móc và thiết bị	1.131.382.000	329.109.979

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí giải phóng mặt bằng VND</b>	<b>Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	3.761.938.072	28.209.340.381	4.319.030.839	36.290.309.292
Tăng trong năm	-	-	1.733.844.901	1.733.844.901
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	151.082.500	151.082.500
Phân bổ trong năm	(224.593.320)	(3.134.371.152)	(2.879.005.688)	(6.237.970.160)
Số dư cuối năm	3.537.344.752	25.074.969.229	3.324.952.552	31.937.266.533

**12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Chi phí phải trả và dự phòng	1.568.227.823	1.808.033.861
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Tài sản cố định	(651.024.000)	(434.016.000)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	917.203.823	1.374.017.861

**13. Phải trả người bán**

**Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán**

	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
Ngắn hạn	10.436.517.447	11.175.177.280
Dài hạn	3.119.490.000	6.238.980.000
	13.556.007.447	17.414.157.280

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ VND	Phân loại lại VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	642.576.255	31.503.904.338	(14.533.826.083)	(16.626.505.507)	-	986.149.003
Thuế nhập khẩu	-	465.841.350	(465.841.350)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.892.325.067	7.934.665.549	(12.197.648.092)	-	1.370.657.476	-
Thuế thu nhập cá nhân	58.647.162	1.426.751.955	(1.441.506.456)	-	-	43.892.661
Thuế tài nguyên	467.784.659	5.866.689.836	(6.210.260.295)	-	-	124.214.200
Các loại thuế khác	13.093.271	1.493.645.164	(1.493.391.875)	-	-	13.346.560
	4.074.426.414	48.691.498.192	(36.342.474.151)	(16.626.505.507)	1.370.657.476	1.167.602.424

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thưởng và lương tháng 13	6.246.251.343	6.315.421.707
Chi phí kho vận	1.318.248.348	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	-	1.319.505.600
Chi phí khác	197.601.660	472.530.706
	<hr/>	<hr/>
	7.762.101.351	8.107.458.013

**16. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	129.056.111	177.216.619
Cổ tức phải trả	570.000	-
Phải trả khác	30.414.000	64.488.625
	<hr/>	<hr/>
	160.040.111	241.705.244

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.980.483.000	2.068.458.000
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	529.200.000	11.785.494.136
Sử dụng trong năm	(196.600.000)	(11.256.294.136)
Số dư cuối năm	<u>332.600.000</u>	<u>529.200.000</u>

**18. Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	7.248.133.000	-
Dự phòng trích lập trong năm	-	7.248.133.000
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(973.525.042)	-
Số dư cuối năm	<u>6.274.607.958</u>	<u>7.248.133.000</u>

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Cổ phiếu quỹ VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	80.000.000.000	176.083.000	-	33.300.760	80.209.383.760
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	33.401.989.255	33.401.989.255
Thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	(655.000.000)	(655.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	80.000.000.000	176.083.000	-	32.780.290.015	112.956.373.015
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	32.091.454.033	32.091.454.033
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(9.575.280.000)	(9.575.280.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(247.200.000)	-	(247.200.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	80.000.000.000	176.083.000	(247.200.000)	55.296.464.048	135.225.347.048



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	20.600	247.200.000	-	-
<b>Vốn cổ phần hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	7.979.400	79.794.000.000	8.000.000	80.000.000.000
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>		176.083.000		176.083.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

**21. Cổ tức**

Trong cuộc họp ngày 8 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 9.575 triệu VND (2016: không).

**22. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán.

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	869.862.309	1.202.179.014

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm và hàng hóa	331.262.377.114	398.431.918.238
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	20.819.186.050	22.855.975.857
Doanh thu thuần	<u>310.443.191.064</u>	<u>375.575.942.381</u>

**24. Giá vốn hàng bán**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	192.180.843.730	254.163.446.747
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	146.402.006	1.152.551.952
	<u>192.327.245.736</u>	<u>255.315.998.699</u>

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.011.787.742	958.170.080
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.571.000	-
	<u>3.017.358.742</u>	<u>958.170.080</u>



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Chi phí bán hàng**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Chi phí nhân viên	21.948.798.192	21.884.520.916
Chi phí kho vận	18.807.361.257	18.269.034.067
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	18.306.389.157	12.797.926.878
Chi phí trưng bày	1.145.776.031	455.061.713
Chi phí nghiên cứu thị trường	316.520.000	16.481.328
Chi phí khác	4.616.735.582	5.565.316.422
	<hr/>	<hr/>
	65.141.580.219	58.988.341.324

**27. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Chi phí nhân viên	6.305.741.587	14.923.245.638
Chi phí khấu hao và phân bổ	934.163.742	961.188.265
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	164.887.521	62.600.749
Chi phí nghiên cứu và phát triển	152.265.200	51.203.360
Chi phí khác	7.498.898.329	5.548.296.826
	<hr/>	<hr/>
	15.055.956.379	21.546.534.838

**28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	143.024.900.644	177.124.512.358
Chi phí nhân viên	59.362.082.620	78.648.133.000
Chi phí khấu hao và phân bổ	9.585.190.186	9.397.907.672
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.758.868.463	46.658.992.733
Chi phí khác	15.793.740.420	18.346.649.080
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	7.740.954.685	9.765.866.553
Dự phòng thiếu trong những năm trước	193.710.864	-
	7.934.665.549	9.765.866.553
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	456.814.038	(1.374.017.861)
	8.391.479.587	8.391.848.692

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	40.482.933.620	41.793.837.947
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	8.096.586.724	8.358.767.589
Chi phí không được khấu trừ thuế	101.181.999	33.081.103
Dự phòng thiếu trong những năm trước	193.710.864	-
	8.391.479.587	8.391.848.692

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% từ năm 2016 trở đi.

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**30. Lãi trên cổ phiếu**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông phổ thông của Công ty, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm, là 32.091.454.033 VND (2016: 33.401.989.255 VND) và số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 7.990.727 cổ phiếu (2016: 8.000.000 cổ phiếu), được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	32.091.454.033	33.401.989.255

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm – hiện đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
Ảnh hưởng của việc mua cổ phiếu quỹ	(9.273)	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành cuối năm	7.990.727	8.000.000

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.016	4.175

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa</b>		
Bán thành phẩm	-	6.772.989.600
Mua hàng hóa	47.170.162	75.890.579
<b>Thành viên quản lý chủ chốt</b>		
Thù lao	2.507.954.619	3.758.673.941

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Ngày 7 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Phùng Thị Yên  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Thị Thu Hương  
Kế toán Trưởng



Đàm Sơn  
Tổng Giám đốc

001  
ÁNH  
TNH  
IG  
CHIM

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH**

---

Quảng Ninh, ngày 4 tháng 4 năm 2018

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG QUẢNG NINH**



**NGUYỄN THIỀU NAM**